TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2022/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1986;
- Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1989;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn HĐ, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Là: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2013, ngày 25 tháng 9 năm 2013). Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, mỗi người một cách nghĩ, một cách sống, không tin tưởng nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đều cố gắng khắc phục nhược điểm, cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không

có kết quả. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh Đ, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Việc ly hôn anh chị đều đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N có một con chung là Đỗ Trần Ngân C, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2014. Ly hôn, vì con còn nhỏ, lại là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ và theo nguyện vọng của con, anh Đ, chị N thống nhất thỏa thuận: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Trần Ngân C. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con Đỗ Trần Ngân C cùng chị N. Thỏa thuận của anh Đ, chị N về việc nuôi con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N có một con chung là Đỗ Trần Ngân C, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2014. Ly hôn: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng

con Đỗ Trần Ngân C. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con Đỗ Trần Ngân C cùng chị N.

1.2.2. Anh Đỗ Văn Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

1.3. Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ, chị N đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001143 đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền lệ phí. Anh Đ, chị N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 73, quyển số 01/2013, ngày 25/9/2013);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương